

TÀI LIỆU MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Generali Việt Nam
Nghiệp vụ bảo hiểm: bảo hiểm liên kết đầu tư

BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

VITA SỐNG TỰ TIN

Để hoài bão **chẳng** dừng chân
Để ngày mai **luôn** tới

Tự tin sinh lợi

- **Sinh lợi tối đa** từ các khoản phí bảo hiểm
- **Hưởng lãi đầu tư** đảm bảo và hấp dẫn
- Các khoản thưởng hấp dẫn và liên tục giúp **gia tăng quỹ tiết kiệm** của bản thân và gia đình

Tự tin bảo vệ

- Phí bảo hiểm thấp, **Quyền lợi cao**
- **Quyền lợi** bảo hiểm tai nạn **vượt trội**: Chi trả thêm 100% Số tiền bảo hiểm nếu Tử vong do tai nạn
- Vẫn được **bảo vệ trong vòng 24 tháng** ngay cả khi Hợp đồng mất hiệu lực

Tự tin hoạch định

- **Linh hoạt đóng phí** và đầu tư theo nhu cầu và khả năng tài chính
- **Linh hoạt rút tiền** từ Giá trị tài khoản hợp đồng cho các nhu cầu chi tiêu cá nhân
- Chủ động thay đổi Số tiền bảo hiểm và **gia tăng Quyền lợi bảo hiểm** theo nhu cầu

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



250224181905360

Generali SIS Bản số :ULP3
In ngày: 24/02/2025 18:19:05

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ GENERALI VIỆT NAM

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Generali Việt Nam được Bộ Tài chính cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 61GP/KDBH, ngày 20/04/2011. Generali Việt Nam cung cấp giải pháp tài chính đa dạng cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp thông qua các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ: bảo vệ, tiết kiệm, đầu tư và sản phẩm bảo hiểm sức khỏe. Để tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động tại Việt Nam, Generali Việt Nam đã tăng vốn điều lệ lên đến 8.202,6 tỷ VND và trở thành một trong những công ty có vốn điều lệ cao nhất trên thị trường bảo hiểm nhân thọ.

Theo dõi và liên hệ chúng tôi tại

TRỤ SỞ CHÍNH

GENERALI PLAZA HỒ CHÍ MINH

43-45 Tú Xương, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Hotline: 1900 96 96 75

Email: info@generalife.com.vn

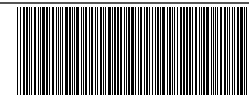
**Số điện thoại
Doanh nghiệp:** (+84) 28 6288 6888



Website: generalife.com.vn



Báo cáo sản phẩm & hoạt động quỹ
<https://generalife.com.vn/lai-suat>



THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Đơn vị: nghìn đồng

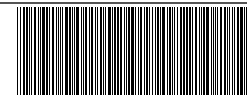
Bên mua bảo hiểm: NGUYEN THI A	Tuổi: 29	Giới tính: Nữ	Nhóm nghề: 2	Nghề nghiệp: Bác sĩ thú y
Định kỳ đóng phí: Hàng năm	Thời hạn đóng phí dự kiến: 20 năm		Thời hạn đóng phí bắt buộc: 4 năm	

Người được bảo hiểm	Tuổi	Giới tính	Nhóm nghề	Tỉ lệ tăng phí (%)	Quyền lợi bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Phí BH hàng năm
NGUYEN THI A	29	Nữ	2	0	Bảo hiểm liên kết chung VITA - Sống Tự Tin Quyền lợi cơ bản	1.500.000	70	18.435

	Hàng năm	Hàng nửa năm	Hàng quý
Phí bảo hiểm cơ bản Năm 1	18.435	9.218	4.609
Phí bảo hiểm mở rộng Năm 1	-	-	-
Phí bảo hiểm định kỳ Năm 1	18.435	9.218	4.609
Phí bảo hiểm đóng trước cho 4 Năm hợp đồng đầu tiên	-	-	-
Phí bảo hiểm đóng thêm Năm 1	18.435	-	-
Tổng phí bảo hiểm đóng tại Năm 1	36.870	-	-

Ghi chú:

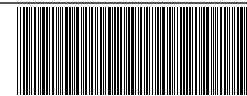
- Thời hạn đóng phí bằng Thời hạn bảo hiểm, tuy nhiên Bên mua bảo hiểm có thể lựa chọn Thời hạn đóng phí dự kiến phù hợp theo tình hình tài chính và nhu cầu bảo hiểm. Thời hạn đóng phí bắt buộc là 4 năm, phí bảo hiểm định kỳ trong 4 Năm hợp đồng đầu tiên phải được đóng đầy đủ và đúng hạn. Khách hàng cần đóng phí theo đúng quy định để duy trì hiệu lực Hợp đồng. Việc tạm ngưng đóng phí có thể làm cho Hợp đồng mất hiệu lực và/hoặc không đạt được kết quả đầu tư như mong muốn.
- Thời hạn đóng phí dự kiến hiển thị tại các trang minh họa quyền lợi có thể ngắn hơn số năm đóng phí dự kiến tại Trang thông tin Hợp đồng bảo hiểm, tùy thuộc vào thời gian hiệu lực của Hợp đồng tại từng mức lãi suất minh họa.



MINH HỌA QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM
 (theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối năm HĐ /Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng	Phí bảo hiểm phân bổ	Thưởng hàng năm	Thưởng đặc biệt	Minh họa tại mức lãi suất đầu tư 5,30%/năm từ năm 1-20 và mức lãi suất cam kết từ năm 21 trở đi (Lãi suất minh họa)			Quyền lợi nhận thêm khi tử vong /TTTBVV do Tai nạn	Khoản rút và phí rút tiền
					Giá trị Tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi từ vong/ TTTBVV		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1/30	36.870	25.809	-	-	22.903	19.024	1.519.412	1.500.000	-
2/31	73.740	29.496	-	-	50.905	39.056	1.539.853	1.500.000	-
3/32	110.610	31.340	-	-	82.339	64.520	1.561.377	1.500.000	-
4/33	147.480	34.105	-	-	118.319	101.890	1.584.042	1.500.000	-
5/34	184.350	35.948	-	-	158.104	143.042	1.607.909	1.500.000	-
6/35	221.220	36.870	922	-	201.874	189.074	1.633.040	1.500.000	-
7/36	258.090	36.870	922	-	247.872	236.386	1.659.503	1.500.000	-
8/37	294.960	36.870	922	-	296.207	286.007	1.687.369	1.500.000	-
9/38	331.830	36.870	922	-	346.990	338.047	1.716.711	1.500.000	-
10/39	368.700	36.870	922	4.609	386.147	378.806	1.728.805	1.500.000	18.804
11/40	387.135	18.435	1.844	-	404.189	396.981	1.722.128	1.500.000	18.804
12/41	405.570	18.435	1.844	-	423.021	415.953	1.715.097	1.500.000	18.804
13/42	424.005	18.435	1.844	-	442.670	435.751	1.707.694	1.500.000	18.804
14/43	442.440	18.435	1.844	-	463.155	456.392	1.699.898	1.500.000	18.804
15/44	460.875	18.435	1.844	18.435	502.936	496.337	1.691.689	1.500.000	18.804
16/45	479.310	18.435	2.765	-	527.199	519.851	1.683.045	1.500.000	18.804
17/46	497.745	18.435	2.765	-	552.528	545.362	1.673.942	1.500.000	18.804
18/47	516.180	18.435	2.765	-	578.974	572.000	1.664.357	1.500.000	18.804
19/48	534.615	18.435	2.765	-	606.604	599.832	1.654.265	1.500.000	18.804
20/49	553.050	18.435	2.765	41.479	695.777	688.841	1.662.441	1.500.000	-

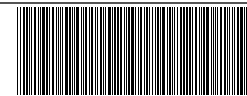


MINH HỌA QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối năm HĐ /Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng	Phí bảo hiểm phân bổ	Thưởng hàng năm	Thưởng đặc biệt	Minh họa tại mức lãi suất đầu tư 5,30%/năm từ năm 1-20 và mức lãi suất cam kết từ năm 21 trở đi (Lãi suất minh họa)			Quyền lợi nhận thêm khi tử vong/TTTBVV do Tai nạn	Khoản rút và phí rút tiền
					Giá trị Tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi tử vong/TTTBVV		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
21/50	553.050	-	-	-	699.445	696.147	1.664.877	1.500.000	-
22/51	553.050	-	-	-	702.775	699.428	1.667.351	1.500.000	-
23/52	553.050	-	-	-	705.731	702.334	1.669.861	1.500.000	-
24/53	553.050	-	-	-	708.257	704.808	1.672.409	1.500.000	-
25/54	553.050	-	-	-	710.294	706.794	1.674.995	1.500.000	-
30/59	553.050	-	-	-	709.714	705.944	1.688.519	1.500.000	-
35/64	553.050	-	-	-	681.551	677.489	1.703.089	1.500.000	-
40/69	553.050	-	-	-	602.066	597.690	1.718.784	1.500.000	-
44/73	553.050	-	-	-	472.483	467.839	1.732.210	-	-
45/74	553.050	-	-	-	425.374	420.660	1.735.693	-	-
50/79	553.050	-	-	-	35.533	34.823	1.535.533	-	-
51/80	553.050	-	-	-	(*)	(*)	(*)	-	-

(*) Hợp đồng mất hiệu lực do Giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để trừ Khoản khấu trừ hàng tháng.

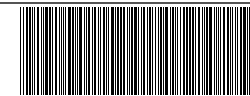


MINH HỌA QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối năm HĐ /Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng	Phí bảo hiểm phân bổ	Thưởng hàng năm	Thưởng đặc biệt	Minh họa tại mức lãi suất đầu tư cam kết			Quyền lợi nhận thêm khi tử vong/TTTBVV do Tai nạn	Khoản rút và phí rút tiền
					Giá trị Tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi tử vong/ TTTBVV		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1/30	36.870	25.809	-	-	22.596	18.789	1.519.172	1.500.000	-
2/31	73.740	29.496	-	-	49.933	38.329	1.539.112	1.500.000	-
3/32	110.610	31.340	-	-	80.288	62.499	1.559.849	1.500.000	-
4/33	147.480	34.105	-	-	114.699	98.323	1.581.415	1.500.000	-
5/34	184.350	35.948	-	-	152.361	137.380	1.603.844	1.500.000	-
6/35	221.220	36.870	922	-	191.501	178.843	1.625.947	1.500.000	-
7/36	258.090	36.870	922	-	231.721	220.451	1.648.714	1.500.000	-
8/37	294.960	36.870	922	-	273.044	263.148	1.672.163	1.500.000	-
9/38	331.830	36.870	922	-	315.487	306.952	1.696.316	1.500.000	-
10/39	368.700	36.870	922	4.609	344.879	338.066	1.702.390	1.500.000	18.804
11/40	387.135	18.435	1.844	-	348.727	342.210	1.687.634	1.500.000	18.804
12/41	405.570	18.435	1.844	-	352.470	346.253	1.672.583	1.500.000	18.804
13/42	424.005	18.435	1.844	-	356.085	350.175	1.657.231	1.500.000	18.804
14/43	442.440	18.435	1.844	-	359.539	353.942	1.641.572	1.500.000	18.804
15/44	460.875	18.435	1.844	18.435	381.234	375.956	1.625.600	1.500.000	18.804
16/45	479.310	18.435	2.765	-	383.658	377.798	1.608.680	1.500.000	18.804
17/46	497.745	18.435	2.765	-	385.833	380.316	1.591.506	1.500.000	18.804
18/47	516.180	18.435	2.765	-	387.731	382.562	1.574.075	1.500.000	18.804
19/48	534.615	18.435	2.765	-	389.335	384.520	1.556.383	1.500.000	18.804
20/49	553.050	18.435	2.765	41.479	450.913	446.082	1.557.229	1.500.000	-



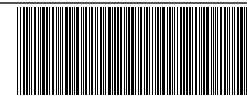
MINH HỌA QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối năm HĐ /Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng	Phí bảo hiểm phân bổ	Thưởng hàng năm	Thưởng đặc biệt	Minh họa tại mức lãi suất đầu tư cam kết			Quyền lợi nhận thêm khi tử vong/TTTBVV do Tai nạn	Khoản rút và phí rút tiền
					Giá trị Tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi tử vong/TTTBVV		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
21/50	553.050	-	-	-	450.181	449.020	1.558.087	1.500.000	-
22/51	553.050	-	-	-	448.971	447.792	1.558.958	1.500.000	-
23/52	553.050	-	-	-	447.237	446.040	1.559.843	1.500.000	-
24/53	553.050	-	-	-	444.909	443.694	1.560.740	1.500.000	-
25/54	553.050	-	-	-	441.915	440.682	1.561.651	1.500.000	-
30/59	553.050	-	-	-	412.728	411.400	1.566.416	1.500.000	-
35/64	553.050	-	-	-	347.681	346.250	1.571.549	1.500.000	-
40/69	553.050	-	-	-	216.730	215.188	1.577.079	1.500.000	-
44/73	553.050	-	-	-	27.565	27.014	1.527.565	-	-
45/74	553.050	-	-	-	(*)	(*)	(*)	-	-

(*) Hợp đồng mất hiệu lực do Giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để trừ Khoản khấu trừ hàng tháng.



MINH HỌA CHI TIẾT CÁC LOẠI PHÍ
 (theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối năm HĐ/ Tuổi	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm phân bổ			Phí quản lý hợp đồng (**)	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Cơ bản và mở rộng	Đóng thêm	Tổng	Cơ bản và mở rộng	Đóng thêm	Tổng	Vào Tài khoản cơ bản	Vào Tài khoản đóng thêm	Tổng		Minh họa tại mức lãi suất đầu tư	
											Lãi suất minh họa	Lãi suất cam kết
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)	(13)
1/30	18.435	18.435	36.870	11.061	-	11.061	7.374	18.435	25.809	536	3.620	3.620
2/31	18.435	18.435	36.870	7.374	-	7.374	11.061	18.435	29.496	560	3.593	3.594
3/32	18.435	18.435	36.870	5.531	-	5.531	12.905	18.435	31.340	584	3.562	3.563
4/33	18.435	18.435	36.870	2.765	-	2.765	15.670	18.435	34.105	608	3.570	3.571
5/34	18.435	18.435	36.870	922	-	922	17.513	18.435	35.948	632	3.587	3.589
6/35	18.435	18.435	36.870	-	-	-	18.435	18.435	36.870	656	3.627	3.632
7/36	18.435	18.435	36.870	-	-	-	18.435	18.435	36.870	680	3.692	3.700
8/37	18.435	18.435	36.870	-	-	-	18.435	18.435	36.870	704	3.766	3.779
9/38	18.435	18.435	36.870	-	-	-	18.435	18.435	36.870	718	3.862	3.882
10/39	18.435	18.435	36.870	-	-	-	18.435	18.435	36.870	720	3.980	4.007
11/40	18.435	-	18.435	-	-	-	18.435	-	18.435	720	4.116	4.157
12/41	18.435	-	18.435	-	-	-	18.435	-	18.435	720	4.278	4.338
13/42	18.435	-	18.435	-	-	-	18.435	-	18.435	720	4.453	4.538
14/43	18.435	-	18.435	-	-	-	18.435	-	18.435	720	4.653	4.769
15/44	18.435	-	18.435	-	-	-	18.435	-	18.435	720	4.872	5.030
16/45	18.435	-	18.435	-	-	-	18.435	-	18.435	720	5.029	5.241
17/46	18.435	-	18.435	-	-	-	18.435	-	18.435	720	5.242	5.524
18/47	18.435	-	18.435	-	-	-	18.435	-	18.435	720	5.462	5.832
19/48	18.435	-	18.435	-	-	-	18.435	-	18.435	720	5.674	6.151
20/49	18.435	-	18.435	-	-	-	18.435	-	18.435	720	5.872	6.480



MINH HỌA CHI TIẾT CÁC LOẠI PHÍ
 (theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối năm HĐ/ Tuổi	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm phân bổ			Phí quản lý hợp đồng (**)	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Cơ bản và mở rộng	Đóng thêm	Tổng	Cơ bản và mở rộng	Đóng thêm	Tổng	Vào Tài khoản cơ bản	Vào Tài khoản đóng thêm	Tổng		Minh họa tại mức lãi suất đầu tư	Lãi suất minh họa
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)	(13)
21/50	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	5.994	6.716
22/51	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	6.385	7.180
23/52	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	6.805	7.681
24/53	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	7.276	8.244
25/54	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	7.798	8.870
30/59	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	11.746	13.635
35/64	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	18.099	21.439
40/69	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	30.399	36.738
44/73	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	46.712	56.681
45/74	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	53.043	25.846
50/79	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	100.835	-
51/80	-	-	-	-	-	-	-	-	-	180	27.626	-

(**) Phí quản lý hợp đồng được khấu trừ tương ứng với thời gian hiệu lực của Hợp đồng minh họa theo mức Lãi suất minh họa.



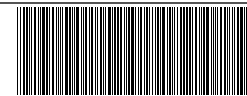
MINH HỌA QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm bắt buộc)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối năm HĐ /Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng	Phí bảo hiểm phân bổ	Thưởng hàng năm	Thưởng đặc biệt	Minh họa tại mức lãi suất đầu tư 5,30%/năm từ năm 1-20 và mức lãi suất cam kết từ năm 21 trở đi (Lãi suất minh họa)			Quyền lợi nhận thêm khi từ vong/TTTBVV do Tai nạn	Khoản rút và phí rút tiền
					Giá trị Tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi từ vong/ TTTBVV		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1/30	36.870	25.809	-	-	22.903	19.024	1.519.412	1.500.000	-
2/31	73.740	29.496	-	-	50.905	39.056	1.539.853	1.500.000	-
3/32	110.610	31.340	-	-	82.339	64.520	1.561.377	1.500.000	-
4/33	147.480	34.105	-	-	118.319	101.890	1.584.042	1.500.000	-
5/34	147.480	-	-	-	120.221	105.547	1.588.496	1.500.000	-
6/35	147.480	-	-	-	122.119	111.038	1.593.187	1.500.000	-
7/36	147.480	-	-	-	123.982	114.646	1.598.126	1.500.000	-
8/37	147.480	-	-	-	125.791	118.194	1.603.326	1.500.000	-
9/38	147.480	-	-	-	127.523	121.660	1.608.803	1.500.000	-
10/39	147.480	-	-	-	110.349	106.591	1.595.766	1.500.000	18.804
11/40	147.480	-	-	-	92.026	89.464	1.582.037	1.500.000	18.804
12/41	147.480	-	-	-	72.460	70.187	1.567.582	1.500.000	18.804
13/42	147.480	-	-	-	51.550	50.519	1.551.550	1.500.000	18.804
14/43	147.480	-	-	-	29.187	28.603	1.529.187	1.500.000	18.804
15/44	147.480	-	-	-	5.252	5.147	1.505.252	1.500.000	18.804
16/45	147.480	-	-	-	(*)	(*)	(*)	(*)	-

(*) Hợp đồng mất hiệu lực do Giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để trừ Khoản khấu trừ hàng tháng.



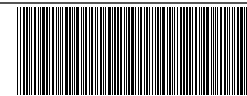
MINH HỌA QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm bắt buộc)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối năm HĐ /Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng	Phí bảo hiểm phân bổ	Thưởng hàng năm	Thưởng đặc biệt	Minh họa tại mức lãi suất đầu tư cam kết			Quyền lợi nhận thêm khi từ vong/TTTBVV do Tai nạn	Khoản rút và phí rút tiền
					Giá trị Tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi từ vong/ TTTBVV		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1/30	36.870	25.809	-	-	22.596	18.789	1.519.172	1.500.000	-
2/31	73.740	29.496	-	-	49.933	38.329	1.539.112	1.500.000	-
3/32	110.610	31.340	-	-	80.288	62.499	1.559.849	1.500.000	-
4/33	147.480	34.105	-	-	114.699	98.323	1.581.415	1.500.000	-
5/34	147.480	-	-	-	114.946	100.348	1.584.672	1.500.000	-
6/35	147.480	-	-	-	113.971	103.009	1.587.212	1.500.000	-
7/36	147.480	-	-	-	112.831	103.660	1.589.828	1.500.000	-
8/37	147.480	-	-	-	111.505	104.124	1.592.523	1.500.000	-
9/38	147.480	-	-	-	109.966	104.373	1.595.299	1.500.000	-
10/39	147.480	-	-	-	89.384	85.954	1.579.354	1.500.000	18.804
11/40	147.480	-	-	-	67.081	64.917	1.562.137	1.500.000	18.804
12/41	147.480	-	-	-	44.063	43.182	1.544.063	1.500.000	18.804
13/42	147.480	-	-	-	20.290	19.884	1.520.290	1.500.000	18.804
14/43	147.480	-	-	-	(*)	(*)	(*)	(*)	14.998

(*) Hợp đồng mất hiệu lực do Giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để trừ Khoản khấu trừ hàng tháng.



MINH HỌA CHI TIẾT CÁC LOẠI PHÍ
 (theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm bắt buộc)

Đơn vị: nghìn đồng

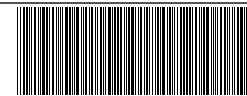
Cuối năm HĐ/ Tuổi	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm phân bổ			Phí quản lý hợp đồng (**)	Phí rủi ro	
	Cơ bản và mở rộng	Đóng thêm	Tổng	Cơ bản và mở rộng	Đóng thêm	Tổng	Vào Tài khoản cơ bản	Vào Tài khoản đóng thêm	Tổng		Minh họa tại mức lãi suất đầu tư	
											Lãi suất minh họa	Lãi suất cam kết
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)	(13)
1/30	18.435	18.435	36.870	11.061	-	11.061	7.374	18.435	25.809	536	3.620	3.620
2/31	18.435	18.435	36.870	7.374	-	7.374	11.061	18.435	29.496	560	3.593	3.594
3/32	18.435	18.435	36.870	5.531	-	5.531	12.905	18.435	31.340	584	3.562	3.563
4/33	18.435	18.435	36.870	2.765	-	2.765	15.670	18.435	34.105	608	3.570	3.571
5/34	-	-	-	-	-	-	-	-	-	632	3.616	3.618
6/35	-	-	-	-	-	-	-	-	-	656	3.694	3.697
7/36	-	-	-	-	-	-	-	-	-	680	3.802	3.807
8/37	-	-	-	-	-	-	-	-	-	704	3.926	3.933
9/38	-	-	-	-	-	-	-	-	-	718	4.081	4.089
10/39	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	4.267	4.276
11/40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	4.500	4.511
12/41	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	4.764	4.777
13/42	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	5.062	5.068
14/43	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	5.398	4.948
15/44	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	5.773	-
16/45	-	-	-	-	-	-	-	-	-	540	4.633	-

(**) Phí quản lý hợp đồng được khấu trừ tương ứng với thời gian hiệu lực của Hợp đồng minh họa theo mức Lãi suất minh họa.



Ghi chú:

1. Quyền lợi bảo hiểm được minh họa trong 2 trường hợp: Khách hàng đóng phí bảo hiểm trong Thời hạn đóng phí dự kiến và trong thời hạn đóng phí bảo hiểm tối thiểu bắt buộc. Chi tiết về Phí bảo hiểm được phân bổ vào tài khoản được thể hiện tại trang "Minh họa chi tiết các loại phí."
2. Việc rút tiền sẽ được thực hiện từ Tài khoản đóng thêm (nếu có) trước; sau đó đến Tài khoản cơ bản.
3. Trang "Minh họa quyền lợi của hợp đồng bảo hiểm" (theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến và Thời hạn đóng phí bắt buộc) thể hiện các minh họa về Phí bảo hiểm và các quyền lợi của hợp đồng bảo hiểm. Giá trị Tài khoản hợp đồng sẽ thay đổi tùy thuộc vào kết quả thực tế của Quỹ liên kết chung (có thể cao hơn hoặc thấp hơn mức minh họa 5,30%/năm nhưng không thấp hơn mức lãi suất đầu tư cam kết), phí bảo hiểm thực đóng và số tiền rút ra thực tế từ Tài khoản hợp đồng. Vì vậy, giá trị Tài khoản hợp đồng thực tế có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị thể hiện ở Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này. Kết quả thực tế của Quỹ liên kết chung sẽ được cập nhật tại Trang web chính thức của Generali (generalivn). Chi tiết về hợp đồng bảo hiểm và các quyền lợi bảo hiểm được quy định cụ thể trong Quy tắc và Điều khoản của hợp đồng bảo hiểm.
4. Lãi suất minh họa chỉ mang tính tham khảo, có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung và không có ý nghĩa là mức lãi suất này được đảm bảo cho khách hàng trong tương lai, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.
5. Giá trị tài khoản đã bao gồm Quyền lợi thưởng hàng năm và Quyền lợi thưởng đặc biệt. Điều kiện cụ thể để nhận các Quyền lợi thưởng được quy định trong Quy tắc và Điều khoản của hợp đồng bảo hiểm.
6. Giá trị hoàn lại tương ứng với Giá trị Tài khoản hợp đồng trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn.



LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

STT	Sản phẩm bảo hiểm	Loại trừ
1	VITA - Sống Tự Tin	Tham khảo Điều 4, Quy tắc và Điều khoản Bảo hiểm Liên kết chung (Phiên bản 2017).



GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ CÁC LOẠI PHÍ LIÊN QUAN

1. Phí bảo hiểm cơ bản: xác định dựa trên Số tiền bảo hiểm, Tuổi và giới tính của Người được bảo hiểm vào ngày ký Giấy yêu cầu bảo hiểm. Phí bảo hiểm cơ bản được phân bổ vào Tài khoản cơ bản sau khi trừ đi Phí ban đầu.
2. Phí bảo hiểm đóng thêm: Là số tiền mà Bên mua bảo hiểm đóng thêm sau khi đã đóng đủ tổng Phí bảo hiểm định kỳ của Năm hợp đồng hiện tại và các Năm hợp đồng trước đó. Phí bảo hiểm đóng thêm được phân bổ vào Tài khoản đóng thêm sau khi trừ đi Phí ban đầu. Phí bảo hiểm đóng thêm cần tuân thủ theo mức tối thiểu và tối đa do Generali quy định tại từng thời điểm.
3. Phí bảo hiểm mở rộng: Là phí bảo hiểm của (các) Quyền lợi bảo hiểm mở rộng. Phí bảo hiểm mở rộng được phân bổ vào Tài khoản cơ bản sau khi trừ đi Phí ban đầu.
4. Phí bảo hiểm định kỳ: là Phí bảo hiểm theo định kỳ đóng phí đã chọn.
5. Tài khoản cơ bản: Là tài khoản ghi nhận các giá trị từ nguồn Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm mở rộng (nếu có) sau khi trừ đi Phí ban đầu và Khoản khấu trừ hàng tháng. Các khoản lãi đầu tư, Khoản Thưởng hàng năm và Khoản Thưởng đặc biệt được cộng vào giá trị Tài khoản cơ bản theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản này.
6. Tài khoản đóng thêm: Là tài khoản ghi nhận các giá trị tích lũy từ Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi trừ đi Phí ban đầu (nếu có), cộng với các khoản lãi đầu tư.
7. Tài khoản hợp đồng: Là tài khoản ghi nhận tổng giá trị của của Tài khoản cơ bản và Tài khoản đóng thêm (nếu có).
8. Phí ban đầu: Là khoản phí được khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm mở rộng và Phí bảo hiểm đóng thêm trước khi các khoản phí bảo hiểm này được phân bổ vào giá trị Tài khoản hợp đồng. Phí ban đầu được quy định như sau:

Năm đóng phí	1	2	3	4	5	6+
% Phí bảo hiểm cơ bản	60%	40%	30%	15%	5%	0%
% Phí bảo hiểm mở rộng (áp dụng cho VITA - Sức Khỏe Vàng)	50%	35%	30%	20%	5%	0%
% Phí bảo hiểm mở rộng (áp dụng cho Bảo hiểm tử vong và thương tật do Tai nạn - Phiên bản mở rộng & VITA - Sức Khỏe Vàng - Phiên bản 3/VITA - Sức Khỏe Kim Cương)	60%	45%	15%	5%	0%	0%
% Phí bảo hiểm mở rộng (áp dụng cho các Quyền lợi bảo hiểm mở rộng khác)	60%	40%	30%	15%	5%	0%
% Phí bảo hiểm đóng thêm	0%					

9. Phí bảo hiểm rủi ro: Là khoản phí để đảm bảo quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo cam kết tại hợp đồng bảo hiểm, được khấu trừ hàng tháng từ giá trị Tài khoản hợp đồng vào Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng. Phí bảo hiểm rủi ro bao gồm Phí bảo hiểm rủi ro của các Quyền lợi bảo hiểm theo Quy tắc và Điều khoản này và (các) Quyền lợi bảo hiểm mở rộng (nếu có).



GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ CÁC LOẠI PHÍ LIÊN QUAN

10. **Phí quản lý hợp đồng:** Là khoản phí dùng để bù đắp chi phí liên quan đến việc duy trì Hợp đồng bảo hiểm và cung cấp các thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm, được khấu trừ hàng tháng từ giá trị Tài khoản hợp đồng vào Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng. Trong năm 2017, Phí quản lý hợp đồng là 29.000 đồng mỗi tháng và tự động tăng 2.000 đồng mỗi năm dương lịch sau đó. Trong mọi trường hợp, Phí quản lý hợp đồng không vượt quá 60.000 đồng mỗi tháng.
11. **Phí quản lý quỹ:** Phí quản lý quỹ được khấu trừ trước khi Generali công bố Lãi suất đầu tư. Phí quản lý quỹ là 2% mỗi năm tính trên giá trị Tài khoản hợp đồng và có thể thay đổi nhưng không vượt quá 2,5% mỗi năm.
12. **Phí rút tiền từ Tài khoản hợp đồng:** Phí rút tiền từ Tài khoản cơ bản là 2% số tiền rút và áp dụng đến Năm hợp đồng thứ 20. Phí rút tiền từ Tài khoản đóng thêm là 2% số tiền rút và áp dụng trong suốt Thời hạn hợp đồng.
13. **Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn:** Là khoản phí tính cho Bên mua bảo hiểm khi yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn. Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn đối với Tài khoản cơ bản được quy định như sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11 - 20	21+
% Phí bảo hiểm Năm hợp đồng đầu tiên tại thời điểm phát hành Hợp đồng bảo hiểm	100%	100%	90%	80%	70%	50%	40%	30%	20%	10%	5%	0%

Nếu giá trị Tài khoản cơ bản nhỏ hơn Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn, Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn bằng giá trị Tài khoản cơ bản tại thời điểm chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn đối với Tài khoản đóng thêm là 2% giá trị Tài khoản đóng thêm tại thời điểm chấm dứt hợp đồng trước hạn.

14. **Lãi suất đầu tư:** Là mức lãi suất được áp dụng để xác định số tiền lãi được cộng và tích lũy vào giá trị Tài khoản hợp đồng. Lãi suất đầu tư được Generali công bố tại từng thời điểm dựa trên lãi suất đầu tư thực tế từ Quỹ liên kết chung sau khi trừ đi Phí quản lý quỹ. Lãi suất đầu tư công bố không thấp hơn mức cam kết sau:

Năm hợp đồng	1 - 5	6 - 10	11 - 15	16+
Lãi suất đầu tư cam kết (%/năm)	4%	3%	2%	1,5%

15. **Quỹ liên kết chung:** Là quỹ được hình thành từ nguồn Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm mở rộng và Phí bảo hiểm đóng thêm của các Hợp đồng bảo hiểm liên kết chung và thuộc quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm. Generali thực hiện chính sách đầu tư thận trọng bằng việc tập trung chủ yếu vào các tài sản có thu nhập ổn định như trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng. Generali có thể ủy thác việc quản lý và đầu tư Quỹ liên kết chung cho một bên thứ ba. Lãi suất công bố của Quỹ liên kết chung trong giai đoạn 2018 - 2023 như sau:

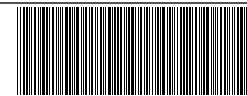
Năm hợp đồng	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Lãi suất công bố (%/năm)	6,25 - 6,5%	5,6 - 6,25%	5,2 - 5,6%	4,6 - 5,0%	4,4 - 5,6%	5,6 - 6,5%



LƯU Ý QUAN TRỌNG VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

1. Nghĩa vụ cung cấp thông tin: Hợp đồng được phát hành trên cơ sở Quý khách và Người được bảo hiểm đảm bảo tất cả các thông tin cung cấp tại Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm là đầy đủ và chính xác. Thông tin không chính xác hoặc không đầy đủ có thể dẫn đến việc quyền lợi bảo hiểm sẽ không được chi trả và Hợp đồng có thể bị chấm dứt.
2. Thời gian cân nhắc: Quý khách có 21 ngày tính từ ngày nhận Hợp đồng để (i) Kiểm tra toàn bộ thông tin của Hợp đồng; và (ii) Thay đổi quyết định tham gia bảo hiểm (bằng cách gửi văn bản đến Generali). Nếu có bất kỳ thông tin nào chưa chính xác hay chưa đầy đủ, Quý khách cần thông báo kịp thời cho Generali trong thời hạn nêu trên. Nếu Quý khách từ chối tham gia bảo hiểm, Hợp đồng sẽ được hủy bỏ và Generali sẽ hoàn trả toàn bộ phí bảo hiểm đã đóng (không có lãi), sau khi trừ đi các chi phí khám và xét nghiệm y khoa (nếu có).
3. Đóng phí bảo hiểm: Quý khách cần đóng phí theo đúng quy định để duy trì hiệu lực Hợp đồng. Các sản phẩm liên kết chung và liên kết đơn vị có tính năng cho phép Bên mua bảo hiểm tạm ngưng đóng phí sau một số năm. Tuy nhiên, xin lưu ý: việc tạm ngưng đóng phí có thể làm cho Hợp đồng mất hiệu lực và/hoặc không đạt được kết quả đầu tư như mong muốn.
4. Thời gian chờ: là khoảng thời gian mà sự kiện xảy ra trong khoảng thời gian đó sẽ không được Generali chi trả quyền lợi bảo hiểm. Thời gian chờ được quy định chi tiết tại Quy tắc và Điều khoản của từng sản phẩm. Thời gian chờ được tính từ ngày sản phẩm bắt đầu có hiệu lực, hoặc ngày khôi phục hiệu lực gần nhất (tùy vào ngày nào đến sau).
5. Cập nhật thông tin: Khách hàng và Người được bảo hiểm cần thông báo kịp thời cho Generali khi (i) Có thay đổi về nơi cư trú và thông tin liên lạc, giấy tờ tùy thân (chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hộ chiếu, v.v.); hoặc (ii) Ra nước ngoài liên tục trên 3 tháng; hoặc (iii) Thay đổi người thụ hưởng.
6. **Bên mua bảo hiểm có thể: (i) Tự xây dựng kế hoạch bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư dự kiến tham gia thông qua công cụ tính phí tại website của Generali Việt Nam theo đường dẫn: <https://generalivietnam.vn/cong-cu-tinh-phi/>; và (ii) Tham khảo quy tắc, điều khoản của các sản phẩm bảo hiểm dự kiến tham gia tại website của Generali Việt Nam theo đường dẫn: <https://generalivietnam.vn/page/thu-vien-thong-tin/tai-lieu-bieu-mau>**

Mọi thắc mắc, Quý khách có thể liên hệ hotline 1900 969675 hoặc trực tiếp tại các trung tâm dịch vụ khách hàng của Generali:
<https://generalivietnam.vn/bao-hiem-ca-nhan/lien-he/ho-tro/danh-sach-dia-diem>



XÁC NHẬN CỦA TƯ VẤN BẢO HIỂM	XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM	
<p>Tôi xác nhận đã giải thích đầy đủ và đã tư vấn cho khách hàng có tên nêu trên về chi tiết của Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này cũng như nội dung của Quy tắc và Điều khoản, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm.</p>	<ul style="list-style-type: none">- Tôi/Chúng tôi, xác nhận đã đọc kỹ và đã được tư vấn đầy đủ các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này cũng như nội dung của Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm. Tôi/Chúng tôi đã hiểu rõ quyền lợi và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi theo quy định của Hợp đồng bảo hiểm.- Tôi/Chúng tôi đã được giải thích đầy đủ và đã hiểu rõ điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của (các) sản phẩm liệt kê trong Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này.- Tôi/Chúng tôi hiểu rằng Hợp đồng được phát hành trên cơ sở Tôi/Chúng tôi đảm bảo tất cả các thông tin cung cấp tại Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm là đầy đủ và chính xác. Thông tin không chính xác hoặc không đầy đủ có thể dẫn đến việc quyền lợi bảo hiểm sẽ không được chi trả và Hợp đồng có thể bị chấm dứt.- Tôi/Chúng tôi hiểu rằng việc giao kết Hợp đồng bảo hiểm là một cam kết dài hạn, việc Tôi/Chúng tôi hủy bỏ/chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản phí bảo hiểm đã đóng.- Tôi/chúng tôi hiểu và đồng ý rằng: i) Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ có giá trị minh họa; ii) Các quyền lợi và điều kiện bảo hiểm được quy định tại Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm.- Tôi/Chúng tôi hiểu rằng Hợp đồng bảo hiểm này sẽ mất hiệu lực nếu Phí bảo hiểm không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong vòng 04 Năm hợp đồng đầu tiên, hoặc giá trị Tài khoản hợp đồng không đủ để trừ Khoản khấu trừ hàng tháng.- Tôi/Chúng tôi hiểu và đồng ý rằng Phí bảo hiểm rủi ro của (các) Quyền lợi bảo hiểm mở rộng được khấu trừ hàng tháng từ Tài khoản hợp đồng khi Tôi/Chúng tôi tham gia (các) Quyền lợi bảo hiểm mở rộng, và việc tham gia sản phẩm bảo hiểm mở rộng không phải là điều kiện bắt buộc để tham gia sản phẩm bảo hiểm chính.	
<p>Họ và tên: Ngày:/...../.....</p>	<p style="text-align: center;">BÊN MUA BẢO HIỂM</p> <p>Họ và tên: NGUYEN THI A Ngày:/...../.....</p>	<p style="text-align: center;">NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM</p> <p>Họ và tên: Ngày:/...../.....</p>

Tài liệu minh họa này được lập thông qua ứng dụng điện tử Genova của Generali Việt Nam và được Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và Tư vấn bảo hiểm xác nhận bằng Thư xác nhận yêu cầu bảo hiểm qua ứng dụng điện tử Genova